

Gia phả Chúa Giê-su Ki-tô theo thánh Mát-thêu

Lm.GB. Nguyễn Ngọc Thế SJ.

¹ Đây là gia phả Đức Giê-su Ki-tô, con cháu vua Đa-vít, con cháu tổ phụ Áp-ra-ham:

² Ông Áp-ra-ham sinh I-xa-ác; I-xa-ác sinh Gia-cóp; Gia-cóp sinh Giu-đa và các anh em ông này;³ Giu-đa ăn ở với Ta-ma sinh Pe-rét và De-rác; Pe-rét sinh Khét-xơ-ron; Khét-xơ-ron sinh A-ram;⁴ A-ram sinh Am-mi-na-đáp; Am-mi-na-đáp sinh Nác-son; Nác-son sinh Xan-môn;⁵ Xan-môn lấy Ra-kháp sinh Bô-át; Bô-át lấy Rút sinh Ô-vết; Ô-vết sinh Gie-sê;⁶ ông Gie-sê sinh Đa-vít.

⁷ Vua Đa-vít lấy vợ ông U-ri-gia sinh Sa-lô-môn⁷ Sa-lô-môn sinh Rơ-kháp-am; Rơ-kháp-am sinh A-vi-gia; A-vi-gia sinh A-xa;⁸ A-xa sinh Giơ-hô-sa-phát; Giơ-hô-sa-phát sinh Giô-ram; Giô-ram sinh Út-di-gia;⁹ Út-di-gia sinh Gio-tham; Gio-tham sinh A-khát; A-khát sinh Khít-ki-gia;¹⁰ Khít-ki-gia sinh Mơ-na-se; Mơ-na-se sinh A-môn; A-môn sinh Giô-si-gia;¹¹ Giô-si-gia sinh Giơ-khon-gia và các anh em vua này; kể đó là thời lưu đày ở Ba-by-lon.

¹² Sau thời lưu đày ở Ba-by-lon, Giơ-khon-gia sinh San-ti-ên; San-ti-ên sinh Dơ-rúp-ba-ven;¹³ Dơ-rúp-ba-ven sinh A-vi-hút; A-vi-hút sinh En-gia-kim; En-gia-kim sinh A-do;¹⁴ A-do sinh Xa-đốc; Xa-đốc sinh A-khin; A-khin sinh Ê-li-hút;¹⁵ Ê-li-hút sinh E-la-da; E-la-da sinh Mát-than; Mát-than sinh Gia-cóp;¹⁶ Gia-cóp sinh Giu-se, chồng của bà Ma-ri-a, bà là mẹ Đức Giê-su cũng gọi là Đấng Ki-tô.

¹⁷ Như thế, tính chung lại thì: từ tổ phụ Áp-ra-ham đến vua Đa-vít, là mười bốn đời; từ vua Đa-vít đến thời lưu đày ở Ba-by-lon, là mười bốn đời; và từ thời lưu đày ở Ba-by-lon đến Đức Ki-tô, cũng là mười bốn đời. (Mt 1, 1-17)

▪ Vài hàng dẫn nhập

Cuốn “Chúa Giê-su thành Na-gia-rét, Các Trình Thuật Tuổi Thơ” là tác phẩm thứ ba nói về Chúa Giê-su của thần học gia Ratzinger, Đức Bênêđictô XVI. Chương thứ nhất, với tựa đề là câu hỏi của Phongxiô Philatô: **“Ông từ đâu tới?”** (Ga 19, 9).

Khi tra hỏi Chúa Giê-su, Philatô đã vô tình đặt với người bị tố cáo câu hỏi sau đây: “Ông từ đâu tới?”. Những kẻ tố cáo Chúa Giêsu đòi Người phải chịu tử hình, vì họ tuyên bố rằng người mang tên Giê-su này dám xưng mình là Con Thiên Chúa, một tội mà theo luật lệ đáng bị tử hình. Viên quan tòa “thông sáng” của Rôma này, người trước đó vốn tỏ ra hoài nghi đối với vấn đề chân lý (x.Ga 18,38), tất nhiên coi cái điều tự xưng của bị cáo như chuyện trò đùa. Ấy thế nhưng ông ta vẫn sợ. Bị cáo này từng cho thấy mình là vua, nhưng vương quốc của ông ta lại “không thuộc đời này” (Ga 18,36). Rồi ông ta còn ám chỉ tới một nguồn gốc và một mục tiêu kỳ bí nữa khi cho hay: *“Chính vì điều này mà tôi đã sinh ra và chính vì điều này mà tôi đã tới trần gian, là để làm chứng cho chân lý”* (Ga 18,37).

Đối với viên quan tòa Rôma này, tất cả những điều ấy xem ra điên điên khùng khùng thế nào ấy. Ấy thế nhưng ông vẫn không rũ bỏ được cái ấn tượng kỳ bí mà người đàn ông này đã in ấn nơi ông, một người đàn ông không giống chút nào với những người chống lại sự đô hộ của Rôma và chiến đấu để tái lập vương quốc Israel mà ông từng gặp. Viên quan tòa Rôma vì thế hỏi xem Chúa Giê-su từ đâu tới để có thể hiểu được Người thực sự là ai và Người muốn gì.

Ta cũng gặp câu hỏi về nguồn gốc Chúa Giê-su, tức việc tìm hiểu gốc gác sâu xa của Người và do đó chính con người chân thực của Người, ở các đoạn chủ yếu khác trong Tin Mừng Gioan, và câu hỏi này cũng đóng một vai trò quan trọng không kém trong các Tin Mừng Nhất Lãm. Đối với Thánh Gioan, cũng như đối với các soạn giả Nhất Lãm, nó phát sinh ra một nghịch lý độc đáo. Một đằng, ngược với Chúa Giê-su và với lời tự nhận của Người về sứ mạng thần linh là sự kiện: người ta biết chính xác Người xuất thân từ đâu: Người không xuất thân từ trời, từ “Chúa Cha”, từ “trên cao” như Người tự xưng (x.Ga 8,23). Không: *“Há đây không phải là Giêsu, mà cả cha lẫn mẹ của ông chúng ta đều biết hay sao? Làm sao giờ này ông ta lại bảo: ‘tôi từ trời xuống?’”* (Ga 6,42).

Các Tin Mừng Nhất Lãm cũng kể lại một câu chuyện tương tự xảy ra tại hội đường Nadarét, quê hương Chúa Giêsu. Ở đây, Người giảng giải lời lẽ Sách Thánh không theo lối thông thường mà liên hệ các lời lẽ ấy vào chính Người và vào chính sứ mệnh của Người bằng một thể giá vượt quá cả thể giá của mọi khoa chú giải (x.Lc 4,21). Tất nhiên, các thính giả hết sức ngỡ ngàng trước cái lối giải thích Sách Thánh như vậy, trước việc Người tự nhận là điểm qui chiếu nội bản và là chìa khóa chú giải bản văn thánh. Ngỡ ngàng dẫn tới bác bỏ: *“Há người này không phải là thợ mộc, con trai Maria và anh em của Giacôbê, Gioxê, Giuđa và Simon sao? Chị em của ông không phải là bà con lân xóm với chúng ta sao?”* (Mc 6,3)

Cả ở đây, câu hỏi “Ông ta từ đâu tới” cũng đã được đặt ra, chỉ để bị bác bỏ ngay lập tức khi nhắc tới thân nhân của Người.

Gốc gác của Chúa Giê-su là điều vừa được biết vừa không được biết, bề ngoài xem ra dễ xác định, mà thực ra khó dò thấu. Tại Xêdarê Philípê, Chúa Giê-su hỏi các môn đệ của Người: “Người ta bảo Thầy là ai?... Các con bảo Thầy là ai?” (Mc 8,27 tt). Chúa Giê-su là ai? Người từ đâu tới? Hai câu hỏi này liên kết chặt chẽ với nhau, không thể nào tách biệt được. Cả bốn tin mừng đều cố gắng trả lời các câu hỏi này. Bốn tin mừng ấy được viết ra nhằm cung cấp một câu trả lời.

Thánh Mát-thêu bắt đầu Tin Mừng của ngài bằng gia phả của Chúa Giê-su, vì ngài muốn đặt câu hỏi về gốc gác của Chúa Giê-su dưới ánh sáng chính xác ngay từ đầu: gia phả được dùng làm một thứ tựa đề cho toàn bộ Tin Mừng. Trái lại, thánh Luca đặt gia phả của Chúa Giêsu ở đầu thừa tác vụ của Người, như một thứ giới thiệu Chúa Giê-su với công chúng, nhằm trả lời cùng một câu hỏi nhưng với một nhấn mạnh khác, dự ứng trước mọi điều sẽ xảy ra trong các phần còn lại của Tin Mừng. Trong bài này, xin tìm hiểu về gia phả của Chúa Giê-su Ki-tô theo thánh sử Mát-thêu, và phần cuối là một vài hàng sơ lược về gia phả trong Tin Mừng của Luca.

- **Vài hàng sơ lược về bài Tin Mừng.**

- Đoạn thánh kinh trên có một cấu trúc văn học với câu đầu tiên như là tựa đề (câu 1), nhắc tới một số nhân vật rất quan trọng: Đức Giê-su Ki-tô, Đa-vít, và Áp-ra-ham. Tiếp đến là đoạn thứ hai kể lại toàn bộ gia phả của Đức Ki-tô (câu 2-17).

- Câu 1 trong bản văn Hy-lạp là: „Biblos geneleos jesou kristou uion David uion Apraam“. Đó là tựa đề của cuốn sách – Biblos của gia phả Đức Giê-su Ki-tô, con Đa-vít, con cháu tổ phụ Áp-ra-ham. Theo Ulrich Luz, những tác phẩm cổ đại không nhất thiết phải có tựa đề. Bình thường, thì tựa đề được thêm vào sau đó. Tựa đề của phúc âm Mác-cô „*Khởi đầu Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa*“ (Mc 1,1), có thể là nguồn cảm hứng cho Mát-thêu viết một tựa đề, nhưng khác đi. Trong tựa đề, loại sách sẽ được công bố, cụ thể trong thể chủ cách – nominativ, và sau đó thì nội dung được công bố trong thể thuộc cách – genitiv. Ngoài ra, câu 1 ở đây liên hệ với sách Sáng Thế 5,1, trong tiếng Hy-lạp là: „*Aute e biblos geneleos - Đây là cuốn sách gia phả...*“ Sự khác biệt là: trong sách Sáng Thế nói về gia phả con cháu A-dam ; trong trình thuật Tin Mừng Mát-thêu là gia phả của Đức Giê-su

- Một điều khác trong câu 1 cần được bàn tới là, phải chăng tựa đề liên hệ đến toàn bộ phúc âm của Mát-thêu, hay chỉ liên hệ đến đoạn ngắn nói về gia phả, hay chỉ liên hệ đoạn dẫn nhập thôi? Theo Luz, trước hết từ ngữ „biblos „ trong tiếng Hy-lạp thường được giải thích là „cuốn sách“. Và nếu „biblos „ là từ ngữ đầu tiên được dùng trong cuốn sách, thì có nghĩa là, tất cả những tựa đề sau đó liên hệ đến toàn bộ cuốn sách. Ngược lại điều này là từ thứ hai „genesis„. Từ này chỉ được nhắc đến ở đây và trong 1,18. Phạm vi ý nghĩa của từ này khá rộng, đi từ ý nghĩa „nguồn gốc, sự sinh ra, xuất hiện, cách thức sinh ra, trở nên“ cho đến „hiện diện, đã trở nên, sáng tạo“ và còn đi tiếp đến „chủng loại, gia đình.“ Trong câu 1, 18 thì từ „genesis“ đã rõ ràng nói về gốc tích của Chúa Giê-su và lịch sử Ngài xuất hiện: „Sau đây là gốc tích Đức Giê-su Ki-tô.“

Như vậy, nếu dựa vào từ ngữ „biblos„ thì nghĩ đến toàn bộ cuốn sách, và nếu dựa trên „geneseos„ thì chỉ nghĩ đến gia phả hay lịch sử sinh ra. Tuy nhiên, để dễ hiểu, chúng ta có thể hiểu „biblos geneseos„ trong ý nghĩa liên hệ đến gia phả của Đức Ki-tô. Đó cũng là chiều hướng của một số nhà chú giải, vd. như Gnllka.

- Gia phả của Đức Ki-tô từ câu 2-17, có thể được chia làm ba phần chính yếu, dựa trên câu 17 như là chìa khóa để „mở“ cuốn sách gia phả:

- o Phần 1 từ Áp-ra-ham đến vua Đa-vít (câu 2-6a).
- o Phần thứ hai từ Đa-vít đến thời lưu đày ở Ba-by-lon (6b-11) và
- o Phần cuối cùng từ thời lưu đày ở Ba-by-lon đến Đức Ki-tô (từ câu 11-16).

Trong câu 17 cũng nhắc rõ ràng, là mỗi phần gồm có 14 đời cả thảy. Và trong tiếng Híp-ri thì các từ vựng của số 14 cũng là những từ vựng của tên Đa-vít.

- Kiểu nói đơn điệu „Ông Áp-ra-ham sinh I-xa-ác; I-xa-ác sinh Gia-cóp...“, cũng được tìm thấy trong các gia phả khác trong Thánh Kinh (ss. Xh 5, 3-32 và 11,10-28; 1 Sk 1-9), và ở đây có thể trích dẫn một câu trong sách Rút: „Xan-môn sinh Bô-át; Bô-át sinh Ô-vết; Ô-vết sinh Gie-sê; Gie-sê sinh Đa-vít.“ (Rut 4, 18-22).

Trở về với Mát-thêu, chúng ta thấy, trong kiểu nói đơn điệu, ông đã đưa vào một số điểm làm cho người đọc phải chú ý:

- o Một số phụ nữ được nhắc đến (*Ta-ma* –câu 3, *Ra-kháp* và *Rút* – câu 5a, *vợ ông U-ri-gia* (chỉ bà *Bat-sê-ba*) – câu 6b, và *Ma-ri-a* – câu 16).
- o Hai lần cụm từ „các anh em“ được nhắc đến.
- o Đa-vít như là Vua (6a) và

- Hai lần nhắc tới „*thời lưu đày ở Ba-by-lon*“ trong câu 11 và 12, sau đó câu 17 cũng nhắc đến 2x nữa.
- Ngoài ra, ở câu 16 nhắc đến Đức Giêsu Kitô, như trong câu 1. Vì thế, đây chính là cao điểm của gia phả.

- Gia phả của Đức Kitô được viết theo kiểu gia phả nằm ngang, nghĩa là không chia ra nhiều họ, nhiều nhánh. Và trong kiểu gia phả này, thì chức năng hay chức vụ cũng được nêu lên. Ở đây, Chúa Giêsu bắt nguồn từ tổ phụ Áp-ra-ham, và Ngài không chỉ là người Do-thái đích thực, mà Ngài còn thuộc về dòng dõi vua Đa-vít.

Trước khi đi vào phần suy niệm, chúng ta coi lại bảng gia phả của Chúa Giê-su:

Matthew 1:1-17		
1. Abraham	1. Solomon	1. Jechonias
2. Isaac	2. Roboam	2. Salathiel
3. Jacob	3. Abia	3. Zorobabel
4. Judas	4. Asa	4. Abiud
5. Phares	5. Josaphat	5. Eliakim
6. Esrom	6. Joram	6. Azor
7. Aram	7. Ozias	7. Sadoc
8. Aminadab	8. Joatham	8. Achim
9. Naason	9. Achaz	9. Eliud
10. Salmon	10. Ezekias	10. Eleazar
11. Booz	11. Manasses	11. Matthan
12. Obed	12. Amon	12. Jacob
13. Jesse	13. Josias	13. Joseph
14. David	14. Jechonias	14. Jesus
So all the generations from Abraham to David are fourteen generations	and from David until the carrying away into Babylon are fourteen generations	and from the carrying away into Babylon unto Christ are fourteen generations

- **Suy niệm**

Đây là gia phả Đức Giê-su Ki-tô, con cháu vua Đa-vít, con cháu tổ phụ Áp-ra-ham:

Trước hết chúng ta thử tìm hiểu từ ngữ *gia phả* trong xã hội Do-thái thời đó có ý nghĩa gì. Theo Céline Hoyeau, các danh sách gia phả - tiếng Do Thái cổ là *Toledot* – là một loại văn chương thông dụng trong Kinh Thánh. Một cách nào, đó là thẻ căn cước ở Đông phương cổ. Quan trọng là vai trò của chúng trong trình thuật mà chúng được chèn vào, hơn là sự chính xác của các danh tính làm nên các danh sách này.

Mục sư Élian Cuvillier, giáo sư khoa chú giải Kinh Thánh của Khoa thần học Tin Lành ở Montpellier, nhấn mạnh : Đặc biệt chúng được dùng để ghi cá nhân vào trong mạng lưới các quan hệ, họ hàng và đặt cá nhân ấy vào trong một thời kỳ được cơ cấu của lịch sử. Gia phả do vậy, chỉ ra rằng bắt đầu một thời kỳ quan trọng. Sau khi trở về từ lưu đày, danh sách được các tác giả Kinh Thánh dùng nhiều hơn để nói rõ tính hợp lệ của một nhân vật sẽ giữ một vai trò chính xác.

Ngoài ra, cha Nguyễn Văn Lộc chia sẻ: Một bản gia phả luôn luôn là khô khan, xa lạ và đều đặn (theo nghĩa là người này sinh ra người kia). Nhưng nếu chúng ta chịu khó dừng lại để “ghi nhớ và suy đi nghĩ lại trong lòng”, chúng ta sẽ khám phá cả một lịch sử sống động ở bên dưới hàng chuỗi những tên gọi, thậm chí cư mang những tên gọi. Khi đó, chúng thấy mình thật gần gũi và có thể cảm nếm được ; bởi vì, Đức Ki-tô cũng phát xuất từ một lịch sử đầy thăng trầm như chúng ta và còn hơn thế nữa cùng “nguồn gốc” với chúng ta : Đức Ki-tô là con A-dam, và “A-dam là con Thiên Chúa” (x. Lc 3, 23-38).

Đọc tiếp câu tin Mừng, chúng ta thấy Mát-thêu nhắc đến hai từ „*Giê-su Ki-tô*„. Hai từ này cũng được nêu trong Mt 1,18, Mc 1,1 và cũng thường được sử dụng trong cộng đoàn Kitô giáo Hy-lạp. Vậy tên Giê-su Ki-tô có nghĩa là gì?

Cha Vũ Phan Long giải thích về tên Giê-su như sau: *Giêsu* Trong Kinh Thánh, tên người còn chỉ chức năng Thiên Chúa quy định cho một người trong Lịch sử cứu độ. *Iêsous* là dạng Hy Lạp của tên Híp-ri *Yehôshua* (x. Xh 24,13) hoặc *Yeshua* (Nkm 7,7), có nghĩa là “YHWH là sự cứu độ”, “YHWH ban ơn cứu độ”, “YHWH cứu độ”, “Ơn cứu độ của YHWH”.

Còn tên Ki-tô hay Mê-sia có nghĩa là “Đấng được xức dầu” (do từ ngữ Do-thái *masha* – xức dầu và được dịch qua tiếng Hy-lạp là *Khristos* và sang tiếng Việt là Ki-tô). Trong Tân Ước, từ ngữ Mê-sia được quy cho Đức Giê-su và chỉ cho một mình Người. Như thế, Đấng được

xức đầu được tấn phong để hướng dẫn Dân theo thánh ý của Thiên Chúa. Trong Cựu Ước, việc xức đầu này được dành cho tư tế (x.Xh 28,41), Vua (Tv 2,2) và tiên tri (1V 19,16). Vì thế Đấng Mê-sia theo lời Thiên Chúa hứa sẽ mang ba chức vụ trên.

Còn kiểu nói „con cháu vua Đa-vít, con cháu tổ phụ Áp-ra-ham“ thì tương hợp với Mt 1,2-17 và 28-25. Con vua Đa-vít có ý chỉ về Đấng Mê-sia của Ít-ra-en bắt nguồn từ dòng dõi của Vua. Còn tổ phụ Áp-ra-ham có ý nghĩa rõ ràng hơn, vì mỗi người Do-thái đều là con cháu của Áp-ra-ham.

Tuy nhiên, theo Gn 12,1-3, Áp-ra-ham là tổ phụ được chọn của Ít-ra-en và Đa-vít là vị Vua được chọn (ss. Tv 78, 70; 89,21). Cả hai đều đón nhận lời hứa về ơn cứu độ. Qua Áp-ra-ham thì tất cả mọi giống nòi trên trái đất đều nhận được sự chúc phúc (ss. Xh 12,3; 18,18 và 22,18). Còn mầm non của Đa-vít sẽ đón nhận Vương mệnh của triều đại và vương quốc vĩnh cửu. (ss. 2 Sm 7, 12-16; 1 Sk 17,11).

Ngoài ra, Céline Hoyeau đã giải thích về hai tên căn bản ÁP-RA-HAM và ĐA-VÍT: Người đầu tiên là “*người của lời hứa*” qua người đó “*một sự chúc phúc cho hết thảy mọi dân*” phải đến. Người thứ hai là vị vua được Thiên Chúa hứa rằng triều đại Ngài sẽ “*được củng cố mãi mãi*” (2 Sm 7,16). Chính từ dòng dõi Ngài, trong lịch sử Do Thái, mà Đấng Thiên Sai phải đến.

Như thế, cả hai lời hứa đều trở thành hiện thực trong Đức Ki-tô, con cháu tổ phụ Áp-ra-ham và vua Đa-vít. Lời hứa dành cho Đa-vít được thấy rõ nơi Đức Kitô, còn lời hứa dành cho Áp-ra-ham thì có thể tìm thấy trong Mt 3, 9: „*Đừng tưởng có thể bảo mình rằng: ,Chúng ta đã có tổ phụ Áp-ra-ham’. Vì, tôi nói cho các anh hay, Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Áp-ra-ham*“; hoặc „*Tôi nói cho các ông hay: Từ phương đông phương tây, nhiều người sẽ đến dự tiệc cùng các tổ phụ Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp trong Nước Trời.*“ (Mt 8, 11); và „*Người phán: Ta là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác và Thiên Chúa của Gia-cóp. Người không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là của kẻ sống.*“ (Mt 22, 32).

Áp-ra-ham dù là tổ phụ của Ít-ra-en, nhưng trong cái nhìn phê bình luôn có khoảng cách với Ít-ra-en. Vì thế mà có thể làm một cầu nối giữa Mt 1,1 với Mt 28,19-20: „*Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.*“ Như vậy, ơn cứu rỗi của Thiên Chúa qua Đức Kitô không bị giới hạn trong Ít-ra-en mà mang tính cách toàn cầu. Udo Schnelle trong tác phẩm Thần

Học Tân Ước (Theologie des Neuen Testaments) đã viết: „Nếu Chúa Giê-su Ki-tô xuất hiện như là người con của Áp-ra-ham trong Mt 1,1, và bản gia phả trong câu Mt 1,2 bắt đầu với Áp-ra-ham, thì hai yếu tố này ngay từ đầu đã đưa ra một viễn tượng toàn cầu, vì Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá trở thành con cháu của ông Áp-ra-ham *‘Đừng tưởng có thể bảo mình rằng: Chúng ta đã có tổ phụ Áp-ra-ham. Vì, tôi nói cho các anh hay, Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Áp-ra-ham’* (Mt 3,9). Các phụ nữ được nhắc đến trong gia phả (Mt 1,3-6) là các bà Ta-ma, Ra-kháp, Rut và vợ của ông U-ri-gia. Họ không phải là người Do-thái. Như thế, trong trình thuật gia phả này có ẩn chứa viễn tượng toàn cầu”.

Ngoài ra, Thomas Söding suy tư về Chúa Giê-su trong trình thuật này như sau: „Chúa Giê-su đã hiện thực hoá thánh ý cứu rỗi mang tính cách toàn cầu của Thiên Chúa qua việc, Ngài là người Do-thái và thực hiện sứ mạng phục vụ cho các con chiên lạc của nhà Ít-ra-en (x.Mt 15,24). Sứ phục vụ này triệt để đến nỗi, Ngài đã không dừng lại ở biên giới của Ít-ra-en, mà Ngài đã vượt qua biên giới đó.

Điểm căng thẳng của Tin Mừng Mát-thêu là sự trung thành của Thiên Chúa với Dân Ngài và ơn cứu rỗi dành cho mọi dân tộc. Điểm này đã được đưa vào trong câu đầu tiên của Tin Mừng và cũng đã được hoá giải: Vì đối với các thánh sử Chúa Giê-su thành Na-gia-rét là Đấng thực hiện lịch sử ơn cứu độ theo thánh ý của Thiên Chúa và Ngài đã mở ra Vương Quốc của Thiên Chúa”.

Như thế, chúng ta thấy trong Đức Giê-su Ki-tô hai lời hứa trên (lời hứa với Áp-ra-ham và với Vua Đa-vít) đã trở thành hiện thực một cách trọn vẹn. Vì thế, Gnllka đã có một lời đề nghị thú vị, hãy đọc ngược gia phả của Đức Giê-su Ki-tô, nghĩa là bắt đầu từ chính Đức Ki-tô.

Hơn nữa, về câu nói „gia phả Đức Giê-su Ki-tô, con cháu vua Đa-vít, con cháu tổ phụ Áp-ra-ham”, chúng ta thấy Mát-thêu đã đưa nêu lên hai nhân vật trong Cựu Ước liên hệ chặt chẽ với Chúa Giê-su. Ở đây, Thomas Söding giải thích: „Ba sự liên hệ này thuộc về nhau cách chắc chắn. Giê-su là Đấng Ki-tô con của Vua Đa-vít, vì Ngài hoàn thiện lời hứa dành cho Ít-ra-en. Ngài cũng là con của Áp-ra-ham, vì Ngài sẽ đưa Phúc Lành đến tất cả mọi dân tộc”.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên trở về với trình thuật Thiên Chúa đã đặt tên cho tổ phụ Áp-ra-ham: „¹ Khi ông Áp-ram được chín mươi chín tuổi, ĐỨC CHÚA hiện ra với ông và phán: ‘Ta là Thiên Chúa Toàn Năng. Ngươi hãy bước đi trước mặt Ta và hãy sống hoàn hảo.² Ta sẽ đặt giao ước của Ta giữa Ta với ngươi, và Ta sẽ cho ngươi trở nên đông, thật đông’.³ Ông Áp-ram cúi rạp

xuống.

Thiên Chúa phán với ông rằng:

4 'Phần Ta, đây là giao ước của Ta với ngươi: ngươi sẽ làm cha của vô số dân tộc.5 Người ta sẽ không còn gọi tên ngươi là Áp-ram nữa, nhưng là Áp-ra-ham, vì Ta đặt ngươi làm cha của vô số dân tộc.6Ta sẽ cho ngươi sinh ra nhiều, thật nhiều: Ta sẽ làm cho ngươi thành những dân tộc, và vua chúa sẽ phát xuất từ ngươi.7 Ta sẽ lập giao ước của Ta giữa Ta với ngươi và với dòng dõi ngươi sau này, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Đây sẽ là giao ước vĩnh cửu, do đó Ta sẽ là Thiên Chúa của ngươi và của dòng dõi ngươi sau này" (St 17,1-7).

Như thế từ tên Áp-ram (có nghĩa là cha cao quý hoặc cha được tôn kính), ông đã đổi thành Áp-ra-ham có nghĩa là cha của các dân tộc. Điều đó cũng mở cho chúng ta một viễn tượng toàn cầu trong tên mới của ông, tên mà Thiên Chúa đã đặt cho ông, Đấng còn nói với ông: *„Ta sẽ lập giao ước của Ta giữa Ta với ngươi và với dòng dõi ngươi sau này, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Đây sẽ là giao ước vĩnh cửu, do đó Ta sẽ là Thiên Chúa của ngươi và của dòng dõi ngươi sau này".*

Ngoài ra, khi suy niệm về gia phả của Đức Giê-su Ki-tô, thần học gia Ratzinger (Đức Benedicto XVI) đã có những tâm tình rất hay: *„Cây gia phả mà Mát-thêu nêu lên trong phần đầu của Phúc Âm đã diễn tả Chúa Giê-su như là một con người, được ‚đưa vào‘ giữa dòng chảy của lịch sử nhân loại, với những lúc thăng trầm lên xuống. Và vì thế, Chúa Giê-su được coi như là hoa quả của một chặng đường dài. Đích đến của con đường nằm ở máng cỏ đơn sơ nghèo nàn, nơi Đức Ki-tô sinh ra. Và trong cái nhìn Chúa Giê-su thuộc về gia phả của Áp-ra-ham, chúng ta nhận ra được bài học về lòng trung thành của Thiên Chúa: Lời hứa của Ngài đã vượt qua rất nhiều ngõ ngách, nhiều đường cong, nhiều đường vòng“. Tâm tình này làm tôi nhớ tới một câu rất hay đã có lần nghe được: *„Thiên Chúa có thể làm cho tất cả các đường cong trở thành đường thẳng.“**

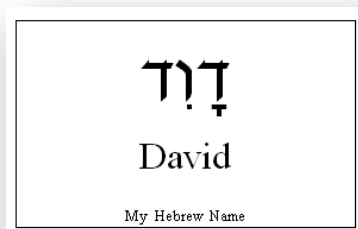
Dù phải trải qua bao thăng trầm, nhưng Thiên Chúa không bao giờ quên đi lời hứa của mình. Con đường Ngài muốn xây dựng cho con người không bao giờ bị tàn phá. Ngài trung tín và ở lại với con người trên mọi chặng đường đời, và đưa con người đến với miền đất Ngài đã hứa ban.

Trong cái nhìn Chúa Giê-su thuộc về dòng dõi vua Đa-vít, chúng ta thấy trong tiếng Híp-ri cổ các từ vựng người ta dùng để viết số 14 cũng là những từ vựng của tên Đa-vít. Như vậy, gia phả trong Mát-thêu là gia phả của Đức Kitô, của một vị Vua – một vị vua ẩn mình, một vị Vua chịu đóng đinh trên thập tự. Thực Ngài chính là Vua. Chiều dài lịch sử của con người hướng hoàn toàn về vị Vua này. Vâng, Chúa Giê-su xuất hiện như vị vua sẽ

tồn tại mãi mãi. Với Ratzinger, gia phả này là “một Phúc Âm thật sự của Chúa Ki-tô Vua : tất cả lịch sử nhìn về Người, mà ngôi báu sẽ tồn tại muôn đời”.

Về sự liên hệ của các từ vựng của tên Đa-vít và con số 14, chúng ta có thể coi hình dưới:

100 = ק	10 = י	1 = א
200 = ר	20 = ט	2 = ב
300 = ש	30 = פ	3 = ג
400 = ת	40 = מ	4 = ד
	50 = נ	5 = ה
	60 = ס	6 = ו
	70 = צ	7 = ז
	80 = ט	8 = ח
	90 = כ	9 = ט



2 Ông Áp-ra-ham sinh I-xa-ác; I-xa-ác sinh Gia-cóp; Gia-cóp sinh Giu-đa và các anh em ông này;3 Giu-đa ăn ở với Ta-ma sinh Pe-rét và De-rác; Pe-rét sinh Khét-xo-ron; Khét-xo-ron sinh A-ram;4 A-ram sinh Am-mi-na-đáp; Am-mi-na-đáp sinh Nác-son; Nác-son sinh Xan-môn;5 Xan-môn lấy Ra-kháp sinh Bô-át; Bô-át lấy Rút sinh Ô-vết; Ô-vết sinh Gie-sê;6 ông Gie-sê sinh Đa-vít.

Trong đoạn đầu tiên của gia phả, có một vài điểm cần chú ý:

- Theo Gnilka, chỉ có con cháu của I-xa-ác mới được nhắc đến như là con cháu của Áp-ra-ham, còn con cháu của Is-ma-el thì không thấy nhắc tới gì cả (ss. St 21, 12), và cũng giống như vậy, dòng dõi của Gia-cóp, chứ không phải dòng dõi của Ê-sau được nhắc đến: „Có hai dân tộc trong lòng người, hai dân tộc dạ người sinh ra và sẽ chia rẽ nhau. Dân này sẽ mạnh hơn dân kia, đứa lớn sẽ làm tôi đứa bé.” (St 25, 23). Và điều làm chú ý hơn, là tác giả nhắc tới Giu-đa và các anh em ông. Việc Giu-đa là đứa con thứ 4 của Gia-cóp, sau Ruben, Simeon và Lê-vi, lại được nhắc đến tên liên hệ đến lời chúc lành của Gia-cóp dành cho các con mình (x. St 49, 1-28), nhưng đối với Giu-đa, thì Gia-cóp lại ban cho lời chúc lành mang tính cách Mê-sia:

„8 Giu-đa, con sẽ được anh em con ca tụng,
tay con sẽ đặt trên ót các địch thù,
anh em cùng cha với con sẽ sụp xuống lạy con.

⁹ *Giu-đa là sư tử con. Con ơi, săn mỗi xong con lại trở về.
Nó quỳ xuống, nằm phục như sư tử
và như sư tử cái: ai sẽ làm cho nó đứng dậy?*

¹⁰ *Vương trượng sẽ không rời khỏi Giu-đa,
gậy chỉ huy sẽ không lìa đâu gôi nó,
cho tới khi người làm chủ vương trượng đến,
người mà muôn dân phải vâng phục” (St 49, 8-10).*

Gia-vê Thiên Chúa luôn tự do trong việc tuyển chọn. Chúng ta không thể hiểu tại sao Ngài chọn người này, dân tộc này, mà không chọn người khác, dân tộc khác. Để có thể hiểu được phần nào tính cách tự do của Thiên Chúa, được bộc lộ qua các câu chuyện của các tổ phụ, chúng ta có thể đọc một vài đoạn của thánh Phao-lô:

*„²¹ Hãy nói cho tôi hay: anh em là những người muốn sống dưới Lễ Luật, anh em không nghe Lễ Luật nói gì sao?²² Thật vậy, có lời chép rằng: ông Áp-ra-ham có hai người con, mẹ của một người là nô lệ, mẹ của người kia là tự do.²³ Nhưng con của người mẹ nô lệ thì sinh ra theo luật tự nhiên; còn con của người mẹ tự do thì sinh ra nhờ lời hứa.²⁴ Truyện đó ngụ ý thế này: hai người đàn bà là hai giao ước. Giao ước thứ nhất tại núi Xi-nai, thì sinh ra nô lệ: đó là Ha-ga.²⁵ Ha-ga chỉ núi Xi-nai trong miền Ả-rập, và tương đương với Giê-ru-sa-lem ngày nay, vì thành này cùng với các con đều là nô lệ.²⁶ Còn Giê-ru-sa-lem thượng giới thì tự do: đó là mẹ chúng ta.²⁷ Thật vậy, có lời chép:
Reo mừng lên,
hỡi người phụ nữ son sè, không sinh con;
hãy bật tiếng reo hò mừng vui,
hỡi ai chưa một lần chuyển dạ,
vì con của phụ nữ bị bỏ rơi
thì đông hơn con của phụ nữ có chồng!*

²⁸ *Thưa anh em, như I-xa-ác, anh em là những người con sinh ra do lời Thiên Chúa hứa.²⁹ Nhưng cũng như thuở ấy đứa con sinh ra theo luật tự nhiên đã ngược đãi đứa con sinh ra theo thần khí, thì bây giờ cũng vậy.³⁰ Thế nhưng Kinh Thánh nói gì? Kinh Thánh nói: Tổng cổ người nô lệ và con của nó đi, vì con của nô lệ không đời nào được thừa kế gia tài cùng với con của người tự do.³¹ Ấy vậy, thưa anh em, chúng ta không phải là con của một người nô lệ, nhưng là con của người tự do” (Gl 4, 21-31).*

Và trong thư gửi giáo đoàn Rô-ma, Phao-lô viết như sau:

„⁶ Nói thế không có nghĩa là lời Thiên Chúa đã hoá ra vô hiệu. Vì không phải tất cả con cháu ông Áp-ra-ham đều là dân Ít-ra-en;⁷ cũng như không phải vì họ thuộc dòng dõi ông Áp-ra-ham mà họ đều là con cái ông. Nhưng chính dòng dõi I-xa-ác mới được mang tên người,⁸ nghĩa là không phải hễ là con đẻ của ông Áp-ra-ham, thì là con cái Thiên Chúa; nhưng con cái sinh ra do lời Thiên Chúa hứa mới được kể là chính tông.⁹ Thật vậy, lời hứa là thế này: Sang năm, cũng vào thời kỳ này, Ta sẽ trở lại và Xa-ra sẽ có một con trai.¹⁰ Không phải chỉ có thế: bà Rê-bê-ca đã có thai với một người duy nhất là ông I-xa-ác, tổ tiên chúng ta.¹¹ Nhưng khi các con bà chưa sinh ra, và do đó chưa làm gì tốt hay xấu, thì Thiên Chúa đã nói với bà: Thằng anh sẽ làm tôi thằng em. Như vậy là để giữ vững kế hoạch Thiên Chúa đã tự do chọn lựa,¹² mà chọn không dựa vào việc người ta làm, nhưng dựa vào ý muốn của Thiên Chúa là Đấng kêu gọi.¹³ Như có lời chép: Ta yêu Gia-cóp mà ghét Ê-xau” (Rm 9, 6-13).

- Cũng liên hệ đến sự tự do của Thiên Chúa, chúng ta để ý đến tên các phụ nữ được nhắc đến. Đó là 4 phụ nữ trong lịch sử của Do-thái và Mẹ Maria. Vậy 4 phụ nữ trong lịch sử Do-thái nổi bật được nhắc đến trong giả phả là ai? Có phải là các bà tổ phụ Sa-ra, vợ của Áp-ra-ham, Re-bê-ca, vợ I-sa-ác, Lê-a và Ra-khen, hai người vợ của Gia-cóp? Không, Mát-thêu không nhắc đến các „bà lớn“ này, mà là 4 bà khác với những nét làm cho người ta cảm thấy xấu hổ khi nhắc đến họ. Và nếu nhìn sơ qua, thì họ còn làm cho gia phả của Áp-ra-ham bị ô uế thêm, và là vết nhơ trong lịch sử của Ít-ra-en. Vì thế, cần phải dấu tên của họ, và không nên nhắc đến trong cuốn sách lịch sử. Nhưng Mát-thêu lại nhắc đến, điều này chính là điểm khởi đầu quan trọng để dẫn vào Phúc Âm của Mát-thêu với tinh thần: Cuối sẽ thành đầu. Thước đo của con người đã bị đảo ngược nơi Thiên Chúa. Cái gì yếu đuối thì Thiên Chúa lại tuyển chọn. Qua việc nhắc đến 4 phụ nữ tội lỗi, mà cây gia phả trong Mát-thêu trở thành cây gia phả của hồng ân. Hồng ân Thiên Chúa đón nhận tội lỗi và chính Ngài xây dựng cây gia phả trên nền tảng của lòng nhân hậu thứ tha, chứ không xây dựng trên những con người vĩ đại, trên bao nhiêu công lao và thành quả họ đã làm được.

- Bốn phụ nữ tội lỗi. Có thực là họ tội lỗi không? Ratzinger đã giải thích như sau: „Nếu nhìn gần và kỹ các tội lỗi trong những cuộc chơi, thì sẽ nhận ra rằng: đó là những tội lỗi của mấy ông, chứ không phải tội lỗi của mấy bà. Ngoài ra, điều đặc biệt của các phụ nữ này nằm ở chỗ: họ không phải là người Do-thái. Và chính khi họ, những phụ nữ ngoại giáo, đã tham dự vào trong những biến cố quan trọng của lịch sử Do-thái, thì họ được phép được coi là những „bà tổ“ của vương quốc Ít-ra-en. Chúng ta thử tìm hiểu 4 phụ nữ này.

(1) Bà Ta-ma, người A-ra-mê (Aramäerin). Sau khi hai người chồng của cô, là con của Giuđa đã chết và cô không có con, thì Giuđa hứa với cô, sẽ gả đứa con trai thứ ba là Sê-la, nếu Sê-la lớn lên. Trong thời gian chờ đợi, cô đã về nhà cha mẹ mình. Nhưng sau đó Giuđa đã không giữ lời hứa, không gả Sê-la cho Giuđa. Câu chuyện được kết thúc bằng một điều thật bất bình thường, là Giuđa khi đi qua vùng mà Ta-ma sống, thấy Ta-ma nhưng tưởng là cô gái điếm, và sau đó đã ăn ngủ với cô, và cuối cùng Ta-ma đã mang thai. Tin này lan tới Giuđa: "Ta-ma, con dâu ông, đã đi làm điếm; nó còn có thai vì làm điếm nữa!" Nghe vậy, *„Ông Giu-đa nói: "Lôi nó ra mà thiêu sống!"* " (ss. St 38,24). Nhưng với sự khôn ngoan của mình, Ta-ma đã làm cho Giuđa nhận ra rằng, cô có thai với chính ông. Cô đã chứng minh điều này qua những vật mà Giuđa đã đưa cho cô, khi ông đến với Ta-ma. Trước sự khôn ngoan của Ta-ma, Giuđa nhận ra và nói: *"Nó công chính hơn tôi. Quả thực tôi đã không cho nó làm vợ Sê-la, con trai tôi."* (St 38,26). Như vậy, tội lỗi là do chính Giuđa gây ra, chứ không phải Ta-ma. Ở Ta-ma chúng ta nhận ra lòng trung tín tuyệt vời, giống như Rút vậy. Và nhờ lòng trung tín của Ta-ma mà lời chúc phúc của Gia-cóp dành cho Giu-đa trở thành hiện thực: *„Vương trượng sẽ không rời khỏi Giu-đa, gây chỉ huy sẽ không lìa đâu gối nó, cho tới khi người làm chủ vương trượng đến, người mà muôn dân phải vâng phục."* (St 49,10)

(2) Ra-kháp, (câu 5a). Cô là gái điếm người Ca-na-an (ss. Gs 2,1tt) đã giúp mở một con đường cho Ít-ra-en tiến đến Giê-ri-khô, và qua đó cánh cửa vào đất hứa được mở ra. Ra-kháp đã làm điều đó, vì cô đã tin vào Thiên Chúa của những con người lạ lẫm. Vì vậy, mà trong Tân Ước, cô được coi là mẹ của niềm tin và là mẹ của những việc tốt lành: *"Nhờ đức tin, cô kỹ nữ Ra-kháp đã không phải chết cùng với quân phản nghịch, vì cô đã hoà nhã tiếp đón những người do thám"* (Dt 11,31), và *"Ra-kháp, cô gái điếm cũng vậy: há chẳng phải nhờ hành động mà đã được nên công chính, vì đã đón tiếp các sứ giả và đưa họ đi lối khác sao?"* (Gc 2,25) Trong giáo hội tiên khởi, Ra-kháp được coi như kiểu mẫu của dân ngoại. Cô đã hình thành Giáo Hội được gom góp từ những sự bần thiu của thế giới ngoại giáo. Chính Ra-kháp với lòng khao khát về ơn cứu độ, đã mở cánh cửa đón tiếp những vị tông đồ không tìm được nơi phục vụ trong Ít-ra-en, và nhờ đó mà thế giới trở thành đất thánh, đất của niềm tin. Vâng, một chỗ trọ đơn giản trở thành nhà thánh cho cộng đoàn của Đức Giê-su Ki-tô. Ngoài ra, theo Paul Billerbeck, văn học của Do-thái sau này khen vẻ đẹp của Ra-kháp, và kể rằng, từ dòng dõi cô phát xuất các tiên tri và tư tế.

(3) Bà Rút (câu 5a), được ca ngợi như là bà tổ của vua Đa-vít: *"¹³ Vậy ông Bô-át lấy cô Rút, và nàng trở thành vợ ông. Ông đến với nàng. Nhờ ơn ĐỨC CHÚA, nàng đã thụ thai và sinh một con trai.¹⁴ Các phụ nữ nói với bà Na-o-mi: "Chúc tụng ĐỨC CHÚA, Đấng hôm nay đã không để"*

cho bà phải thiếu người bảo tồn dòng dõi: tên tuổi con trẻ sẽ được tung hô tại Ít-ra-en!¹⁵ Nó sẽ giúp bà lấy lại sức sống, và sẽ là người nâng đỡ bà trong tuổi già, vì người con dâu biết yêu quý bà đã sinh ra nó, nàng quý giá hơn bảy đứa con trai.”¹⁶ Bà Na-o-mi bế đứa trẻ lên và ôm vào lòng. Chính bà nuôi nấng đứa trẻ đó.

¹⁷ Các bà hàng xóm láng giềng đặt tên cho đứa trẻ và nói: “Bà Na-o-mi đã sinh được một cháu trai.” Họ đặt tên cho nó là Ô-vết. Đó là cha của ông Gie-sê, là ông nội vua Đa-vít” (R 4, 13-17)

Bà Rút là một người phụ nữ ngoại giáo, người Mô-áp. Bà đã thành hôn với một người Do-thái – ông Bô-át, và sau cái chết của chồng, bà được tự do, và có thể trở về quê quán của mình. Nhưng ngay chính lúc nạn đói xảy ra trong Ít-ra-en, và mẹ chồng gặp nạn, thì bà Rút đã không đồng ý rời bỏ mẹ, vì lời “xin vâng” của bà đối với chồng và với Thiên Chúa của chồng đã trở thành lời mang giá trị ngàn đời :

*“Xin mẹ đừng ép con bỏ mẹ mà trở về, không theo mẹ nữa, vì
mẹ đi đâu, con đi đó,
mẹ ở đâu, con ở đó,
dân của mẹ là dân của con,
Thiên Chúa của mẹ là Thiên Chúa của con”* (R 1, 16).

Bà Rút – một phụ nữ ngoại giáo, đã đồng ý tuân phục và thờ lạy Thiên Chúa của Ít-ra-en, và bà đã trở thành bà cố của Đa-vít (ss. R 4, 18-19), trở thành một trong những “bà tổ” của dòng dõi vua Đa-vít.

(4) Bát-sê-ba, vợ của U-ri-gia (câu 6b), là một phụ nữ ngoại giáo, người Khết : “Vua Đa-vít sai người đi điều tra về người đàn bà, và người ta nói: Đó chính là bà Bát Se-va, con gái ông Ê-li-am, vợ ông U-ri-gia người Khết” (2 Sm 11,3). Đọc lại câu chuyện của bà với Vua Đa-vít, chúng ta nhận ra rất rõ ràng, bà không phải là người phạm tội, mà chính là Đa-vít. Ở đây, có thể liên hệ đến thánh vịnh 51. Đó là thánh vịnh nói về tội lỗi và lòng ăn năn thống hối của Đa-vít. Trong câu 2 của thánh vịnh nói về điều này rất rõ ràng: “Ngôn sứ Na-than đến gặp vua vì vua đã đến với bà Bát Se-va.” (Tv 51, 2) Tuy nhiên, trong ý nghĩa thần học, có thể nói rằng khi Bà Bát-sê-ba đã nói lời “xin vâng” với Vua Đa-vít, thì chính là lúc bà đồng ý đón nhận Thiên Chúa của Đa-vít. Và qua đó bà đã trở thành mẹ của Sa-lô-mon. Và Mát-thêu trong phúc âm của mình hay nhắc đến Sa-lô-mon như là mẫu gương của Đức Giê-su Ki-tô.

Tóm lại, dù lúc đầu khi đọc gia phả trong Mát-thêu, thì tưởng là cây gia phả của Áp-ra-ham và Đa-vít thôi, nhưng qua bốn người phụ nữ ngoại giáo này, cây gia phả của Đức Giê-su Ki-tô đã trở thành cây gia phả phát xuất từ dân Do-thái và dân ngoại, cây gia phả của tất

cả mọi dân tộc trên thế giới này. Theo Ratzinger, người ta có thể nói rằng : Bốn phụ nữ này đã gấp lại trang lịch sử rất quan trọng của các bậc nam nhi vĩ đại, để rồi bốn bà thực sự đã trở thành người lèo lái dòng đời và là hoa quả chính yếu của cây gia phả. Nhờ vậy, mà cây gia phả với hoa trái của các bậc nam nhi chí tôn đã trở thành cây gia phả mang trái hồng phúc, trái niềm tin. Vâng, trên chính niềm tin của Ta-ma, Ra-kháp, Rút và Bát-sê-ba mà điều nền tảng của lịch sử được dựa vào, và lời hứa được trở thành hiện thực.

Vua Đa-vít lấy vợ ông U-ri-gia sinh Sa-lô-môn; Sa-lô-môn sinh Ro-kháp-am; Ro-kháp-am sinh A-vi-gia; A-vi-gia sinh A-xa; A-xa sinh Gio-hô-sa-phát; Gio-hô-sa-phát sinh Giô-ram; Giô-ram sinh Út-di-gia; Út-di-gia sinh Gio-tham; Gio-tham sinh A-khát; A-khát sinh Khít-ki-gia; Khít-ki-gia sinh Mơ-na-se; Mơ-na-se sinh A-môn; A-môn sinh Giô-si-gia; Giô-si-gia sinh Gio-khon-gia và các anh em vua này; kể đó là thời lưu đầy ở Ba-by-lon.

Đoạn này kể thời của các vị Vua, mà hai sách các Vua và sách Sử Ký cũng đã kể lại. Như vậy, triều đại các vị Vua được kể từ

- vua Sa-lô-mon (ss. 2 Sk, 1-9)
- vua Ro-kháp-am (ss. 2 Sk, 10-12),
- vua A-gi-gia (2 Sk 13),
- vua A-xa (2 Sk 14-16),
- vua Gio-hô-sa-phát (2 Sk 17-20),
- vua Giô-ram (2 V 8,16),
- vua Út-di-gia (2 Sk 26),
- vua Gio-tham (2 Sk 27),
- vua A-khát (2 Sk 28),
- vua Khít-ki-gia (2 Sk 29-32),
- vua Mơ-na-se (2 Sk 33),
- vua A-môn (2 V 21, 19-26),
- vua Giô-si-gia (2 Sk 34-35) và sau cùng là
- vua Gio-khon-gia (2 V 24,6), và kết thúc bằng thời lưu đầy ở Ba-by-lon.

Theo Gnika còn có một số vị Vua không được Mát-thêu nhắc đến, như vua A-khát-gia-hu (ss. 2 Sk 22,1-9), vua Giô-át (2 Sk 24) và A-mát-gia-hu (2 Sk 25). Tại sao lại như vậy ? Chắc chắn Mát-thêu chỉ giới hạn vào con số 14 mà ông muốn, nhưng nguyên nhân khác có thể nằm ở chỗ, là những vị Vua đã bị “gạt ra khỏi sổ”, trong lịch sử đã có một cuộc sống xấu

xa, đôi khi chống lại Thiên Chúa, nên đã chết mà chẳng có vinh quang chi cả. Nếu nói như thế, thì phải nghĩ tới Vua Mơ-na-se. Ông cũng có một cuộc sống xấu xa. Đứng, nhưng ông quay trở lại và ăn năn thống hối, thì ông đã được Thiên Chúa nhân hậu thứ tha : “*Vua đã cầu nguyện với Người và Người đã nhậm lời vua. Người đã nghe lời vua van xin mà cho vua trở về Giê-ru-sa-lem để cai trị vương quốc. Nhờ vậy, vua Mơ-na-se nhận biết rằng chính ĐỨC CHÚA mới thực là Thiên Chúa*” (2 Sk 33, 13).

12 Sau thời lưu đày ở Ba-by-lon, Gio-khon-gia sinh San-ti-ên; San-ti-ên sinh Do-rúp-ba-ven;13 Do-rúp-ba-ven sinh A-vi-hút; A-vi-hút sinh En-gia-kim; En-gia-kim sinh A-do;14 A-do sinh Xa-đốc; Xa-đốc sinh A-khin; A-khin sinh Ê-li-hút;15 Ê-li-hút sinh E-la-da; E-la-da sinh Mát-than; Mát-than sinh Gia-cóp;16 Gia-cóp sinh Giu-se, chồng của bà Ma-ri-a, bà là mẹ Đức Giê-su cũng gọi là Đấng Ki-tô.

Đoạn từ câu 12-16 này kể về thời sau cuộc lưu đày ở Ba-by-lon cho tới Chúa Giê-su Ki-tô. Gio-khon-gia được nhắc lại như là nhịp cầu để bắc vào đoạn này. Sau thời lưu đày ở Ba-by-lon, San-ti-ên và con trai của ông là ông Do-rúp-ba-ven, thủ lĩnh của người Do-thái hồi hương từ Ba-by-lon, được nhắc đến (x.Er 2,2 ; 3,2 ; 5,2). Theo Nkm 12,1 thì Do-rúp-ba-ven còn là một tư tế. Cũng như Xa-đốc, A-vi-hút cũng là các tư tế: “*Đây là những tư tế và những thầy Lê-vi đã hồi hương cùng với Do-rúp-ba-ven, con của San-ti-ên, và cùng với Giê-su-a: Xo-ra-gia, Giéc-mo-gia, Êt-ra*”.

Ở đây, Gnilka chú ý một giả thiết thú vị. Đó là tên của các tư tế được lần lượt nhắc đến trong thời sau lưu đày đã xác nhận tính “nhân tạo” của cấu trúc trong đoạn này. Vì thế, có thể nghĩ rằng, tên Gia-cóp được coi là cha của Giu-se như muốn nhắc nhớ đến tổ phụ Gia-cóp và Giu-se là con của tổ phụ. Phải chăng Mát-thêu muốn chỉ ra rằng, tất cả những sự chờ đợi trong 12 chi tộc của dân đã được hiện thực hóa trong Đức Giê-su Ki-tô, kể cả những sự chờ đợi mang tính cách tư tế.

- Cuối đoạn gia phả thì cấu trúc đơn điệu “A sinh B” bị phá vỡ. Giờ đây là “*Gia-cóp sinh Giu-se, chồng của bà Ma-ri-a, bà là mẹ Đức Giê-su cũng gọi là Đấng Ki-tô*” (câu 16). Trước đó mỗi tên được nhắc tới đều được nối kết bằng từ ngữ “sinh”. Cuối cùng, thì chữ “sinh” không còn “đất sống”, mà thay vào đó nhắc rất rõ ràng đến Maria, và “*bà là mẹ Đức Giê-su, cũng gọi là Đức Ki-tô*”. Như vậy, Giu-se không sinh ra Chúa Giê-su. Giu-se chỉ là chồng của Maria. Chúa Giê-su thuộc về gia phả theo tính cách pháp lý, nhưng không qua “cái cầu” sinh vật. Ở đây, Ratzinger cắt nghĩa rất hay: “Chúa Giê-su Ki-tô không thuộc về gia phả,

mà gia phả thuộc về Chúa Giê-su Ki-tô. Như vậy, Cựu Ước hoàn toàn thuộc về Đức Giê-su Ki-tô. Chúa Giê-su chính là người sở hữu mang tính cách pháp lý đàng hoàng. Và đối với Ít-ra-en, thì nguồn gốc mang tính cách pháp lý là quan trọng và quyết định, chứ không mang tính cách sinh vật”.

Đây chính là cao điểm của cây gia phả. Ở cao điểm này mà không nhắc tới người phụ nữ cuối cùng trong gia phả, thì thật là thiếu sót lớn.

Ngay lập tức xuất hiện một sự khởi đầu mới, sự khởi đầu đích thực, mà tất cả đều phải quay về đó. Sự khởi đầu này xảy ra qua niềm tin của một người phụ nữ, qua chính lời “xin vâng” của người trinh nữ. Tên trinh nữ là Maria. Sự khởi đầu đích thực này đã được hình thành trước, như trong sự khởi đầu của Ít-ra-en cũng xảy ra qua niềm tin của các người mẹ, niềm tin của những người phụ nữ lạ lẫm. Theo Ratzinger, với điều này Mát-thêu muốn mở ra cho chúng ta một điều toàn vẹn. Đó là: Sự khởi đầu này có thể luôn luôn hiện diện. Qua sự khởi đầu này, thì gia phả của Đức Ki-tô tiếp tục “dài thêm”, nghĩa là ai ai cũng có thể trở nên người họ hàng với Đức Ki-tô, và ai ai cũng có thể hợp nhất với Ngài.

Lời Fiat – xin vâng của Mẹ Maria là không gian, mà bất cứ lúc nào chúng ta cũng có thể bước vào. Vâng, Phúc Âm này đang mời gọi chúng ta bước vào : Ở đó sự khởi đầu đang xảy ra; ở đó chúng ta có thể “đụng” được “màu nhiệm làm người của Thiên Chúa”, màu nhiệm mà Phúc Âm nói với chúng ta; ở đó, chúng ta có thể đạt được mức độ hiện thực hóa thật trọn vẹn cho lời cầu xin, mà Giáo Hội vẫn thường kêu cầu trong những ngày Giáng Sinh. Đó là lời cầu xin cho chúng ta được tham dự vào sự sống của Thiên Chúa, qua việc thông phần với Đức Ki-tô và trong Đức Ki-tô : *“Nguyện xin Con của Chúa, Đấng đã đón nhận thân phận làm người của chúng con, ban tặng cho chúng con hồng ân được tham dự vào đời sống của Thiên Chúa”*.

Ngoài ra, Ratzinger còn suy tư sâu hơn, bằng cách dựa vào lời của thánh sử Gioan 1,12-13: *“Còn những ai đón nhận, tức là những ai tin vào danh Người, thì Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa”*.

*Họ được sinh ra, không phải do khí huyết,
cũng chẳng do ước muốn của nhục thể,
hoặc do ước muốn của người đàn ông,
nhưng do bởi Thiên Chúa”*.

Với đoạn Tin Mừng của Gioan, ai tin vào Chúa Giê-su, thì bước vào cây gia phả bằng đức tin; với nguồn mới mẻ ở nơi Chúa Giêsu. Đức tin trao tặng cho họ một sự sinh ra mới: họ đi vào trong nguồn gốc của Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng từ nay trở thành chính nguồn gốc của họ. Từ Chúa Ki-tô, nhờ đức tin nơi Người, họ hiện được sinh ra bởi Thiên Chúa.

Như vậy trong tinh thần này, thì với Đức Ki-tô, Cựu Ước hoàn toàn “thuộc về” chúng ta. Và chúng ta đứng ở trên “cầu nối thánh” giữa Thiên Chúa và con người, giữa con người với nhau. Vâng, chúng ta đứng ở trong cộng đồng của các thánh.

Phúc Âm đang kêu gọi chúng ta đến với cánh cửa của lời Fiat. Đó là lời mời gọi của Tin Mừng, là cánh tay dẫn đưa của hồng ân, cánh tay mà Thiên Chúa đang đối diện với chúng ta cũng đang nắm vào, trong giây phút thánh này.

17 Như thế, tính chung lại thì: từ tổ phụ Áp-ra-ham đến vua Đa-vít, là mười bốn đời; từ vua Đa-vít đến thời lưu đày ở Ba-by-lon, là mười bốn đời; và từ thời lưu đày ở Ba-by-lon đến Đức Ki-tô, cũng là mười bốn đời.

Với câu 17 này, Mát-thêu kết thúc gia phả của Đức Kitô. Câu 17 này, như đã nói ở trên cũng là chìa khóa để “mở” cuốn sách gia phả.

Và chúng ta, mỗi người qua đức tin của mình vào Thiên Chúa đều được đón nhận một món quà tuyệt vời là được phép “bước vào” gia phả của Chúa Giê-su, Đấng là An-pha và Ô-mê-ga, là khởi nguyên và cùng đích. Nơi Ngài chúng ta sống và hoạt động. Nơi Ngài chúng ta tìm thấy cuộc sống và cuộc sống mỗi ngày dồi dào hơn.

Trên là gia phả của Chúa Giê-su theo thánh sử Mát-thêu. Thiết nghĩ, cũng nên tìm hiểu sơ lược về gia phả của Chúa Giê-su theo thánh sử Luca. Về phần này, xin trích dẫn giải thích của thần học gia Ratzinger.

- **Sơ lược về gia phả của Chúa Giê-su theo thánh sử Luca.**

Trước hết chúng ta đọc lại đoạn gia phả này:

“²³ Khi Đức Giê-su khởi sự rao giảng, Người trạc ba mươi tuổi. Thiên hạ vẫn coi Người là con ông Giu-se. Giu-se là con Ê-li,²⁴ Ê-li con Mát-tát, Mát-tát con Lê-vi, Lê-vi con Man-ki, Man-ki con Gian-nai, Gian-nai con Giô-xếp.²⁵ Giô-xếp con Mát-tít-gia, Mát-tít-gia con A-môt, A-môt con Na-khum, Na-khum con Khét-li, Khét-li con Nác-gai.²⁶ Nác-gai con Ma-khát, Ma-khát con Mát-tít-gia,

Mát-tít-gia con Sim-y, Sim-y con Giô-xêch, Giô-xêch con Giô-đa.²⁷ Giô-đa con Giô-kha-nan, Giô-kha-nan con Rê-sa, Rê-sa con Dơ-rúp-ba-ven, Dơ-rúp-ba-ven con San-ti-ên.

²⁸ Nê-ri con Man-ki, Man-ki con Át-đi, Át-đi con Cô-xam, Cô-xam con En-mơ-đam, En-mơ-đam con E.²⁹ E con Giê-su, Giê-su con Ê-li-e-de, Ê-li-e-de con Giô-rim, Giô-rim con Mát-tát, Mát-tát con Lê-vi.³⁰ Lê-vi con Si-mê-ôn, Si-mê-ôn con Giu-đa, Giu-đa con Giô-xếp, Giô-xếp con Giô-nam, Giô-nam con En-gia-kim,³¹ En-gia-kim con Ma-li-a, Ma-li-a con Mi-na, Mi-na con Mát-tát-ta, Mát-tát-ta con Na-than, Na-than con Đa-vít.

³² Đa-vít con Gie-sê. Gie-sê con Ô-vết, Ô-vết con Bô-át, Bô-át con Xan-môn, Xan-môn con Nác-sôn.³³ Nác-sôn con Am-mi-na-đáp, Am-mi-na-đáp con Át-min, Át-min con Ác-ni, Ác-ni con Khét-rôn, Khét-rôn con Pe-rét, Pe-rét con Giu-đa.³⁴ Giu-đa con Gia-cóp, Gia-cóp con I-xa-ác, I-xa-ác con Áp-ra-ham.

³⁵ Na-kho con Xơ-rúc, Xơ-rúc con Rơ-u, Rơ-u con Pe-léc, Pe-léc con Ê-ve. Ê-ve con Se-lác.³⁶ Se-lác con Kê-nan, Kê-nan con Ác-pắc-sát, Ác-pắc-sát con Sêm, Sêm con Nô-ê, Nô-ê con La-méc.³⁷ La-méc con Mơ-thu-se-lác. Mơ-thu-se-lác con Kha-nốc, Kha-nốc con Gie-rét, Gie-rét con Ma-ha-lan-ên, Ma-ha-lan-ên con Kên-nan.³⁸ Kên-nan con E-nốt, E-nốt con Sết, Sết con A-đam và A-đam là con Thiên Chúa" (Lc 3,23-38).

Để giúp có một cái nhìn tổng quát, chúng ta coi biểu đồ về gia phả của Chúa Giê-su trong Tin Mừng Luca:

Genealogy of Jesus according to Luke					
1. God	14. Shelah	27. Hezron	40. Eliakim	53. Addi	66. Hesli
2. Adam	15. Eber	28. Ram	41. Jonam	54. Melchi	67. Nahum
3. Seth	16. Peleg	29. Ammina	42. Joseph	55. Neri	68. Amos
4. Enosh	17. Reu	dab	43. Judah	56. Shealtiel	69. Mattathi
5. Kenan	18. Serug	30. Nahshon	44. Simeon	57. Zerubba	as
6. Mahalalel	19. Nahor	31. Salmon	45. Levi	bel	70. Joseph
7. Jared	20. Terah	32. Boaz	46. Matthat	58. Rhesa	71. Jannai
8. Enoch	21. Abraham	33. Obed	47. Jorim	59. Joanan	72. Melchi
9. Methuselah	22. Isaac	34. Jesse	48. Eliezer	60. Joda	73. Levi
h	23. Jacob	35. David	49. Joshua	61. Josech	74. Matthat
10. Lamech	24. Judah	36. Nathan	50. Er	62. Semein	75. Heli
11. Noah	25. Perez	37. Mattatha	51. Elmadam	63. Mattathi	76. * Mary &
12. Shem		38. Menna	52. Cosam	as	Joseph
13. Arphaxad		39. Melea		64. Mahath	77. Jesus
				65. Naggai	

Yếu tố chung cho cả Thánh Mátthêu lẫn Thánh Luca là: gia phả ngắt quãng và dừng lại nơi thánh Giuse: “*Khi Đức Giê-su khởi sự rao giảng, Người trạc ba mươi tuổi. Thiên hạ vẫn coi Người là con ông Giuse*” (Lc 3,23). Về phương diện pháp luật, Người được coi là con Thánh Giuse, như Thánh Luca cho thấy.

Điểm khác biệt chính là:

- Lc không nói đến các phụ nữ.
- Lc phác con đường đi từ Đức Giêsu lên tới ông Adam, còn Mt phác ra con đường đi từ tổ phụ Abraham xuống tới Đức Giêsu;
- Lc đặt bảng gia phả sau bài tường thuật phép rửa, trong khi Mt đặt ở ngay đầu Tin Mừng.

Ngoài ra, khi so sánh bảng gia phả của Mt với bảng gia phả của Lc, chúng ta ghi nhận rằng tác giả: Mt đã phân phối các đời thành 3 nhóm, mỗi nhóm 14 đời (3x14). Lc đã ghi lại 77 đời.

Dưới đây, chúng ta để thần học gia Ratzinger giải thích thêm về gia phả của Chúa Giê-su theo Tin Mừng Luca:

“Ta gặp nhiều khác biệt so với danh sách tổ tiên do thánh Mátthêu cung cấp. Ta đã chứng tỏ rằng gia phả của Thánh Luca giới thiệu thừa tác vụ công khai của Chúa Giêsu; có thể nói: nó hợp pháp hóa Chúa Giêsu trong sứ mệnh công khai của Người, trong khi thánh Mátthêu trình bày gia phả làm khởi đầu cho Tin Mừng của mình, rồi từ đó mới nói tới việc Chúa Giêsu được tượng thai và sinh ra, và do đó, đã trình bày vấn đề gốc gác của Người theo ý nghĩa kép của nó.

Một khác biệt đáng lưu ý nữa là thánh Mátthêu và thánh Luca chỉ đồng ý với nhau về rất ít tên tuổi; ngay tên thân phụ của thánh Giuse cũng không chung với nhau.

Làm thế nào có chuyện này? Trừ các yếu tố lấy từ Cựu Ước, cả hai soạn giả đều đã dựa vào các truyền thống mà ta không thể tái lập được nguồn gốc. Đối với tôi, điều hoàn toàn vô ích là đưa ra các giả thuyết về vấn đề này. Không tin mừng gia nào quan tâm nhiều tới các tên cá nhân cho bằng tới cấu trúc có tính biểu tượng trong đó vị trí của Chúa Giêsu trong lịch sử được trình bày với ta: sự phức tạp trong đó Người được đan kết vào các sợi chỉ lịch sử của lời hứa cũng như sự bắt đầu mới vốn nghịch lý xác định nguồn gốc của Người song song với tính liên tục của hành động Thiên Chúa trong lịch sử.

Một điểm dị biệt nữa nằm ở sự kiện này: trong khi Thánh Máthêu leo từ buổi đầu, tức từ rễ, lên tới hiện tại, lên tới “ngọn cây”, thì trái lại, Thánh Luca bước từ Chúa Giêsu, “đỉnh cây”, xuống tới rễ, để chứng tỏ rằng cuối cùng ra, chiếc rễ tối hậu không nằm ở chỗ sâu mà nằm ở chỗ cao: Thiên Chúa ở đây, ở ngay buổi đầu của hiện hữu nhân bản: “Ông Enốt, con ông Sết, ông Sết con ông Ađam và ông Ađam là con Thiên Chúa” (Lc 3,38).

Yếu tố chung cho cả Thánh Máthêu lẫn Thánh Luca là: gia phả ngắt quãng và dừng lại nơi thánh Giuse: “Khi Đức Giêsu khởi sự rao giảng, Người trạc ba mươi tuổi. Thiên hạ vẫn coi Người là con ông Giuse” (Lc 3,23). Về phương diện pháp luật, Người được coi là con Thánh Giuse, như Thánh Luca cho thấy. Ấy thế nhưng nguồn gốc đích thực của Chúa Giêsu đã được trình bày rõ ở hai chương đầu Tin Mừng Luca.

“Thánh Luca cho thấy: gia phả của Chúa, vì nối dài tới tận Ađam, ngài đã nối cuối với đầu để chứng minh rằng chính Người (Chúa Ki-tô) đã thâm tóm trong Người mọi dân tộc vốn từ Ađam phân tán khắp nơi, và mọi ngôn ngữ cùng toàn thể loài người, trong đó có cả Ađam. Bởi thế, cả Thánh Phaolô nữa cũng coi Ađam như một loại hình của Đấng sẽ phải đến” (Adv. Haer. III, 22,3).

Chúa Giêsu mang vào thân Người toàn bộ nhân loại, toàn bộ lịch sử con người, và Người đem lại cho nó một tái định hướng dứt khoát nhắm tới phong thái mới của hiện hữu nhân bản.

- **Tham khảo:**

- **Ulrich Luz**, *Das Evangelium nach Mathäus (Mt 1-7)*, I/1, EKK, Evangelisch-katholischer Kommentar zum Neuen Testament, Patmos, Benzinger/Neukirchener Verlag, 5. Auflage, Düsseldorf und Zürich 2002, S. 117-140.

- **Joachim Gnilka**, *Das Mathäusevangelium, 1,1-13,58*, I/1, Herders theologischer Kommentar zum Neuen Testament, Sonderausgabe, Freiburg – Basel, Wien 2000, S. 1-14.

- **Herman L. Strach und Paul Billerbeck**, *Kommentar zum NT, aus Talmud und Midrasch*, C.H. Beck München 1978, Band I, S. 20-23.

- **Udo Schnelle**, *Theologie des Neuen Testaments*, Vandenhoeck & Ruprecht Verlag, Goettingen 2014.

- **Benedikt XVI, Joseph Ratzinger**, *Der Segen der Weihnacht*, Herder Verlag, Freiburg 2005, S. 29-41.

- **Benedikt XVI, Joseph Ratzinger**, *Đức Giê-su thành Nazareth, phần III, Thời thơ ấu của Đức Giê-su*.

- **Céline Hoyer**, *Gia phả Chúa Giê-su*.

Nguồn: <http://www.simonhoadalat.com/giaoducgd/SuyTu/02GiaPhaChuaGiesu.htm>

- **Lm Giuse Nguyễn Văn Lộc**, *Gia phả Đức Giê-su Ki-tô (Mt 1,1-17)*.